

Poslední aktualizace22.09.2026 12:14:30

Startovní listina

Cís.	Jméno	FideID	FED	RtgFIDE	Spol. země	Klub/Místo
1	Nguyễn, Thành Bảo	23100385	DON	2498		Đồng Nai
2	Nguyễn, Minh Nhật Quang	24040005	HCM	2414		Tp. Hồ Chí Minh
3	Hà, Văn Tiến	24040003	DON	2271		Đồng Nai
4	Đào, Văn Trọng	24040017	QNI	2260		Quảng Ninh
5	Võ, Văn Hoàng Tùng	23100250	DAN	2253		Đà Nẵng
6	Diệp, Khai Nguyên	24040001	HCM	2245		Tp. Hồ Chí Minh
7	Phan, Nguyễn Công Minh	24040011	HCM	2236		Tp. Hồ Chí Minh
8	Phan, Trọng Tín	23100326	HCM	2228		Tp. Hồ Chí Minh
9	Phí, Mạnh Cường	23100084	QNI	2216		Quảng Ninh
10	Nguyễn, Anh Mẫn	23100249	DAN	2207		Đà Nẵng
11	Đặng, Cửu Tùng Lân	24040006	DON	2203		Đồng Nai
12	Chu, Tuấn Hải	23100387	DON	2200		Đồng Nai
13	Tôn, Thất Nhật Tân	23100243	DAN	2183		Đà Nẵng
14	Vũ, Quốc Đạt	24040010	HCM	2183		Tp. Hồ Chí Minh
15	Trần, Chánh Tâm	24040012	HCM	2171		Tp. Hồ Chí Minh
16	Đào, Quốc Hưng	23100317	HCM	2159		Tp. Hồ Chí Minh
17	Dương, Đình Chung	24040015	QNI	2159		Quảng Ninh
18	Nguyễn, Anh Quân	23100388	QNI	2158		Quảng Ninh
19	Ngô, Ngọc Minh	24040013	DON	2147		Đồng Nai
20	Vũ, Hữu Cường	24040004	DON	2141		Đồng Nai
21	Nguyễn, Quang Nhật	24040009	QNI	2139		Quảng Ninh
22	Nguyễn, Văn Bon	23100324	DON	2138		Đồng Nai
23	Đặng, Hữu Trang	24040007	HNO	2132		Hà Nội
24	Đoàn, Đức Hiền	24040021	HCM	2109		Tp. Hồ Chí Minh
25	Đào, Duy Khánh	24120117	QNI	2103		Quảng Ninh
26	Dương, Hồ Bảo Duy	23100325	DON	2068		Đồng Nai
27	Trần, Thanh Tân	24040022	HCM	2065		Tp. Hồ Chí Minh
28	Trương, Đình Vũ	23100252	DAN	2064		Đà Nẵng
29	Nguyễn, Trường Phúc	24060095	DON	2060		Đồng Nai
30	Huỳnh, Hào Phát	25050117	HCM	2047		Tp. Hồ Chí Minh
31	Trần, Huỳnh Sĩ La	23100246	DAN	2042		Đà Nẵng
32	Nguyễn, Trần Đỗ Ninh	24040019	HCM	2035		Tp. Hồ Chí Minh
33	Vũ, Hồng Sơn	23100085	BNI	2032		Bắc Ninh
34	Đỗ, Như Khánh	24120006	DON	2026		Đồng Nai
35	Nguyễn, Khánh Ngọc	24040018	DAN	2025		Đà Nẵng
36	Đinh, Tú	24040020	BNI	2015		Bắc Ninh
37	Trần, Tiến Huy	24090001	HCM	2003		Tp. Hồ Chí Minh
38	Chu, Đức Huy	24060274	QNI	1986		Quảng Ninh
39	Nguyễn, Hoàng Lâm	23100351	HCM	1915		Tp. Hồ Chí Minh
40	Nguyễn, Mạnh Hải	23100088	TNG	1914		Thái Nguyên
41	Bùi, Sơn Tùng	24120115	QNI	1894		Quảng Ninh
42	Phạm, Quý Cường	25100220	TNG	1858		Thái Nguyên
43	Nguyễn, An Tấn	24090095	DON	1813		Đồng Nai
44	Lương, Đức Hoàng	25100528	QNI	1807		Quảng Ninh
45	Nguyễn, Minh Hưng	24090036	DON	1800		Đồng Nai
46	Nguyễn, Đại Thắng	25100247	HNO	1798		Hà Nội
47	Hoàng, Mạnh Hùng	24060241	BNI	1797		Bắc Ninh
48	Giáp, Xuân Cường	24060239	BNI	1783		Bắc Ninh
49	Lê, Trí Bách	24060229	DAN	1747		Đà Nẵng

Všetchny detaily tohoto turnaje naleznete pod <https://chess-results.com/tnr1502369.aspx?lan=5>

Chess-Tournament-Results-Server: Chess-Results